TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NĐ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST Ngày 08-9-2022 V/v: "Ly hôn giữa chị A và anh T"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lại Văn Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Anh Tuấn

Ông Trần Trọng Đại.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh NĐ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên toà:*** Bà Trần Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh NĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022 về việc "Tranh chấp ly hôn, con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Kim A, sinh năm 1986; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 98Đ, Ô 19, phường Hạ L, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

Địa chỉ cư trú: Đội 9, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh NĐ.

Hiện đang cư trú và lao động tại Nhật Bản

- *Bị đơn:* Anh Trần Anh T, sinh năm 1981; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 98Đ, Ô 19, phường Hạ L, thành phố NĐ, tỉnh NĐ.

Địa chỉ cư trú: Thôn Liêm T, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh NĐ.

(Tại phiên tòa vắng mặt chị Trần Thị Kim A có lý do, vắng mặt anh Trần Anh T không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Trần Thị Kim A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim A kết hôn với anh Trần Anh T trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân phường Hạ L, thành phố NĐ, tỉnh NĐ. Sau khi kết hôn chị A và anh T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Vợ chồng sống ly thân khoảng 7 năm nay, trong thời gian này chị A đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản và ít khi về Việt Nam. Do khoảng cách địa lý xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị A xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh NĐ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị có hai con chung cháu Trần Phương L, sinh ngày 04-6-2008 và cháu Trần Vân K, sinh ngày 24-8-2013, hiện nay hai con chung đang ở cùng với anh Trần Anh T và bà nội các cháu tại Thôn Liêm T, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh NĐ. Khi ly hôn chị A đề nghị Toà án xem xét giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung 2.000.000đ/1 tháng/1 cháu.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Kim A trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Do hiện nay chị Trần Thị Kim A đang cư trú và lao động tại Nhật Bản, chị tranh thủ thời gian nghỉ phép trở về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn nên chị A đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

* Tại bản tự khai bị đơn anh Trần Anh T trình bày: Anh T và chị Trần Thị Kim A kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân phường Hạ L, thành phố NĐ. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chung sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, chị Trần Thị Kim A đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, tuy nhiên anh vẫn muốn đoàn tụ vợ chồng để cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong trường hợp chị A vẫn quyết tâm ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh có hai con chung cháu Trần Phương L, sinh ngày 04-6-2008 và cháu Trần Vân K, sinh ngày 24-8-2013. Hiện nay, hai con chung đang ở cùng với anh và bà nội các cháu tại Thôn Liêm T, xã Mỹ T, huyện Mỹ L, tỉnh NĐ. Khi ly hôn anh đề nghị Toà án xem xét giao cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không đề nghị chị A cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Anh Trần Anh T trình bày vợ chồng anh không có tài sản chung, không có công nợ chung nên không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị Kim A đã có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên ý kiến đã trình bày. Anh Trần Anh T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 21; Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, thông qua việc kiểm sát tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tống đạt các quyết định tố tụng theo quy định tại các Điều 170, 171, 175, 177, 220 BLTTDS năm 2015. Từ khi thụ lý vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên toà là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về nội dung vụ án, theo quy định tại Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; có đủ căn cứ xử ly hôn giữa chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T. Con chung đề nghị giao cháu Trần Phương L và cháu Trần Vân K cho anh Trần Anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, chấp nhận sự tự nguyện của chị Kim A nhận đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T mỗi con 2.000.000đ/1 tháng, chị Kim A được quyền đi lại thăm nom con. Tài sản chung và công nợ của chị Kim A và anh T không có nên không cần đề cập, giải quyết. Án phí chị Kim A phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Anh T đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn vào ngày 04 tháng 4 năm 2014 tại Uỷ ban nhân dân phường Hạ L, thành phố NĐ, tỉnh NĐ như vậy cuộc hôn nhân này là hợp pháp.

[3] Trong quá trình chung sống giữa chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị A để giải phóng cho hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Vợ chồng chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T có hai con chung cháu Trần Phương L, sinh ngày 04-6-2008 và cháu Trần Vân K, sinh ngày 24-8-2013. Hiện nay, hai con chung đang do anh T và (mẹ đẻ anh T) nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị A đồng ý để cho Tú nuôi dưỡng, chăm sóc hai con chung, chị A tự nhận mỗi tháng sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho anh T mỗi con là 2.000.000đ/1 tháng.

[5] Xét nguyện vọng của chị Trần Thị Kim A trong việc nuôi con chung và cấp dưỡng thì thấy: Cháu Trần Phương L và cháu Trần Vân K đang do anh T và mẹ đẻ anh T nuôi dưỡng, chăm sóc các cháu đang được ăn học ổn định, chị A đang cư trú và lao động tại Nhật Bản ở xa nhà không có điều kiện để chăm sóc các con, chị A đã có ý kiến thể hiện nguyện vọng để hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc. Xét thấy, việc chị A để con cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật nên được chấp nhận, hai con chung của vợ chồng anh, chị hiện nay còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người thân. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển mọi mặt của hai con chung nên cần tiếp tục giao cháu Trần Phương L và cháu Trần Vân K cho anh T tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 71, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[6] Về cấp dưỡng tiền nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị A hoàn toàn tự nguyện nhận đóng góp mức cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh T mỗi con là 2.000.000đ/ tháng là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Do đó, cần buộc chị A phải có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung ở mức chị A tự nhận là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T trình bày vợ chồng anh, chị không có tài sản chung, không có công nợ chung nên về phần tài sản chung và công nợ của vợ chồng chị A, anh T Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[8] Về án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Trần Thị Kim A phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trần Thị Kim A và anh Trần Anh T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung cháu Trần Phương L, sinh ngày 04-6-2008 và cháu Trần Vân K, sinh ngày 24-8-2013 cho anh Trần Anh T trực tiếp

nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành và có khả năng lao động tự lập được hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Chị Trần Thị Kim A phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi hai con chung cho anh T mỗi con 2.000.000đ (hai triệu đồng)/ một tháng kể từ tháng 10 năm 2022 đến khi hai con chung đến tuổi trưởng thành và tự lập được. Chị A có quyền chăm sóc, thăm nom con nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần Thị Kim A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0006768 ngày 04-8-2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh NĐ, chị Trần Thị Kim A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc chị Trần Thị Kim A phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ, anh Trần Anh T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh NĐ;
- Cục THADS tỉnh NĐ;
- UBND phường Hạ L;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lại Văn Tùng